

Số: 4977/QĐ-ĐHHN

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2025-2026
cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quy định công tác sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Quyết định số 2532/QĐ-ĐHHN ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 3745/TB-ĐHHN ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội về việc hướng dẫn làm hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy khóa 2022, 2023, 2024 và 2025 học kỳ 1 năm học 2025-2026;

Xét đơn đề nghị và hồ sơ miễn, giảm học phí của sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2025-2026 cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy khóa 2022, 2023, 2024 và 2025 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Mức miễn, giảm học phí đối với mỗi sinh viên được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các phòng: Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Tài chính-Kế toán, Quản lý đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV&QHDN.



Nguyễn Văn Trào

DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY
ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 4977/QĐ-ĐHHN, ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội)

TT	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
I. Danh sách sinh viên khóa 2021, 2022 (Cấp tiếp)										
1	Nguyễn Lan	Anh	2004010004	2KT-20	Con của thương binh	Miễn học phí	1,950,000	-	1,950,000	CẤP TIẾP Đã nhận đủ NSNN
2	Quách Thị	Trang	2007070118	3H-20	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	960,000	-	960,000	CẤP TIẾP Đã nhận đủ NSNN
3	Đinh Thị Khánh	Linh	2107040091	1T-21	Con của bệnh binh	Miễn học phí	960,000	-	960,000	CẤP TIẾP Đã nhận đủ NSNN
4	Hoàng Anh	Thư	2107170090	2H-21C	Con của thương binh	Miễn học phí	3,840,000	-	3,840,000	CẤP TIẾP Đã nhận đủ NSNN
5	Đỗ Thị Như	Anh	2204000003	2K-22	Con của thương binh	Miễn học phí	13,800,000	7,950,000	5,850,000	CẤP TIẾP
6	Đoàn Thị Mai	Anh	2207190003	2I-22C	Con của thương binh	Miễn học phí	21,280,000	8,450,000	12,830,000	CẤP TIẾP
7	Phạm Hà	Chi	2207040030	1T-22	Con của bệnh binh	Miễn học phí	18,240,000	8,450,000	9,790,000	CẤP TIẾP
8	Hoàng Ngọc	Diễm	2201040025	1C-22	Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ	Miễn học phí	9,040,000	9,040,000	-	CẤP TIẾP
9	Đàm Lệ	Dương	2207040215	6T-22	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	14,440,000	8,450,000	5,990,000	CẤP TIẾP
10	Đàm Thị Thúy	Hợp	2207040073	1T-22	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,920,000	8,450,000	4,470,000	CẤP TIẾP
11	Lê Minh	Hương	2204040047	2TC-22	Con của bệnh binh	Miễn học phí	8,280,000	7,950,000	330,000	CẤP TIẾP
12	Trần Thị	Hường	2201000030	2TT-22	Con của bệnh binh	Miễn học phí	17,200,000	8,450,000	8,750,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
13	Đinh Thị	Hường	2207070036	1H-22	Con của thương binh	Miễn học phí	15,960,000	8,450,000	7,510,000	CẤP TIẾP
14	Phạm Thanh	Huyền	2207010110	3A-22	Con của thương binh	Miễn học phí	11,400,000	8,450,000	2,950,000	CẤP TIẾP
15	Hà Thị Phương	Linh	2207060087	1NB-22	Con của thương binh	Miễn học phí	11,400,000	8,450,000	2,950,000	CẤP TIẾP
16	Chi Thị	Minh	2207010315	10A-22	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn	Miễn học phí	11,400,000	8,450,000	2,950,000	CẤP TIẾP
17	Chu Thị Vân	Oanh	2107170073	3H-22C	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Miễn học phí	14,440,000	8,450,000	5,990,000	CẤP TIẾP
18	Nguyễn Lan	Nhung	2104010077	2KT-22	Con của thương binh	Miễn học phí	12,560,000	7,950,000	4,610,000	CẤP TIẾP
19	Phạm Thị	Thương	2207010308	8A-22	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	18,240,000	8,450,000	9,790,000	CẤP TIẾP
20	Nguyễn Thị	Thùy	2201040203	5C-22	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	13,800,000	9,250,000	4,550,000	CẤP TIẾP
21	Nguyễn Ngọc	Tú	2201040158	5C-22	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	11,040,000	9,250,000	1,790,000	CẤP TIẾP
22	Hà Thị	Tuyết	2207040156	6T-22	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	18,240,000	8,450,000	9,790,000	CẤP TIẾP
23	Lê Thị Hồng	Vân	2207070100	1H-22	Con của thương binh	Miễn học phí	9,120,000	8,450,000	670,000	CẤP TIẾP
24	Mai Tú	Anh	2201040004	7C-22	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	12,545,000	6,475,000	6,070,000	CẤP TIẾP
25	Lương Thu	Hằng	2207140023	2T-22C	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	11,905,000	5,915,000	5,990,000	CẤP TIẾP
26	Hà Thị Lan	Hương	2207140032	3T-22C	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	11,905,000	5,915,000	5,990,000	CẤP TIẾP
27	Hoàng Thị Thu	Huyền	2206080051	2Q-22	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	3,905,000	3,905,000	-	CẤP TIẾP
28	Quan Khắc	Khiết	2207040086	6T-22	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	13,425,000	5,915,000	7,510,000	CẤP TIẾP
29	Lù Thị	Khuê	2207040087	7T-22	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	12,665,000	5,915,000	6,750,000	CẤP TIẾP
30	Vì Thị Nhật	Lệ	2207070043	1H-22	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	6,585,000	5,915,000	670,000	CẤP TIẾP
31	Trần Văn	Lương	2207040107	5T-22	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	12,665,000	5,915,000	6,750,000	CẤP TIẾP
32	Sái Thị Thảo	Ly	2207040223	6T-22	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	15,705,000	5,915,000	9,790,000	CẤP TIẾP
33	Lường Thị	Tâm	2207040152	2T-22	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	12,665,000	5,915,000	6,750,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
34	Nông Thị Kim	Thi	2207140102	2T-22C	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,625,000	5,915,000	3,710,000	CẤP TIẾP
35	Nông Thị Lệ	Thúy	2207040169	4T-22	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	16,465,000	5,915,000	10,550,000	CẤP TIẾP
36	Lý Thị Huyền	Trang	2207140106	3T-22C	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,425,000	5,915,000	7,510,000	CẤP TIẾP
37	Đinh Thị Mai	Uyên	2207040198	4T-22	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,665,000	5,915,000	6,750,000	CẤP TIẾP
38	Hoàng Hồng	Vân	2207070111	4H-22	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,665,000	5,915,000	6,750,000	CẤP TIẾP
39	Đặng Thị	Viên	2207010296	7A-22	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,625,000	5,915,000	3,710,000	CẤP TIẾP
40	Nguyễn Tuấn	Anh	2207010018	7A-22	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	11,735,000	4,225,000	7,510,000	CẤP TIẾP
41	Đoàn Ánh	Chi	2207010046	2A-22	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	10,215,000	4,225,000	5,990,000	CẤP TIẾP
42	Lê Hân	Du	2107170025	1H-22C	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	5,655,000	4,225,000	1,430,000	CẤP TIẾP
43	Bùi Thị Thùy	Linh	2206080064	1Q-22	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	8,775,000	4,225,000	4,550,000	CẤP TIẾP
44	Phạm Đức	Quân	2201040150	2C-22	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	9,455,000	4,625,000	4,830,000	CẤP TIẾP
45	Lê Phương	Trang	2204000099	2K-22	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	5,825,000	3,975,000	1,850,000	CẤP TIẾP
46	Bùi Thanh	Thảo	2107060149	4NB-22	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	5,655,000	4,225,000	1,430,000	CẤP TIẾP
II. Danh sách sinh viên khóa 2023 (Cấp tiếp)										
1	Đào Nguyễn Hà	Anh	2307060187	1NB-23	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	10,640,000	8,450,000	2,190,000	CẤP TIẾP
2	Nguyễn Thị	Dân	2307170022	1H-23C	Con của thương binh	Miễn học phí	14,440,000	8,450,000	5,990,000	CẤP TIẾP
3	Hoàng Thị Tiên	Diễm	2304050018	2M-23	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	13,320,000	7,950,000	5,370,000	CẤP TIẾP
4	Nguyễn Thị Hiền	Giang	2301060016	1TĐ-23	Con của thương binh	Miễn học phí	18,840,000	8,450,000	10,390,000	CẤP TIẾP
5	Lê Thị	Hương	2307140040	3T-23C	Con của thương binh	Miễn học phí	19,760,000	8,450,000	11,310,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
6	Lục Nam	Khánh	2307050066	2Đ-23	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	9,120,000	8,450,000	670,000	CẤP TIẾP
7	Phan Thị Khánh	Linh	2307040079	3T-23	Con của thương binh	Miễn học phí	20,520,000	8,450,000	12,070,000	CẤP TIẾP
8	Trần Diệu	Linh	2307040080	4T-23	Con của bệnh binh	Miễn học phí	21,280,000	8,450,000	12,830,000	CẤP TIẾP
9	Tổng Thị	Loan	2307170061	1H-23C	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	11,400,000	8,450,000	2,950,000	CẤP TIẾP
10	Trịnh Ngọc	Mai	2301000040	1TT-23	Con của thương binh	Miễn học phí	13,560,000	8,450,000	5,110,000	CẤP TIẾP
11	Nguyễn Thị Trang	Nhung	2307010200	9A-23	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Miễn học phí	15,960,000	8,450,000	7,510,000	CẤP TIẾP
12	Vũ Mỹ	Tâm	2307060150	5NB-23	Con của thương binh	Miễn học phí	12,920,000	8,450,000	4,470,000	CẤP TIẾP
13	Chu Anh	Thắng	2307010241	9A-23	Con của liệt sĩ	Miễn học phí	20,520,000	8,450,000	12,070,000	CẤP TIẾP
14	Nguyễn Đức	Thanh	2307040142	1T-23	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	19,000,000	8,450,000	10,550,000	CẤP TIẾP
15	Trần Minh	Thu	2307010245	9A-23	Con của thương binh	Miễn học phí	22,800,000	8,450,000	14,350,000	CẤP TIẾP
16	Vì Minh	Thúy	2307040193	1T-23	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	22,040,000	8,450,000	13,590,000	CẤP TIẾP
17	Nguyễn Ngọc	Trâm	2307010267	11A-23	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	20,520,000	8,450,000	12,070,000	CẤP TIẾP
18	Cao Thị	Trang	2307140090	3T-23C	Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ	Miễn học phí	19,000,000	8,450,000	10,550,000	CẤP TIẾP
19	Nguyễn Quang	Trung	2307010306	4A-23	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	21,280,000	8,450,000	12,830,000	CẤP TIẾP
20	Bùi Tuấn	Anh	2307040185	6T-23	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	17,480,000	8,450,000	9,030,000	CẤP TIẾP
21	Đào Quốc	Yên	2301040205	2C-23	Con của thương binh	Miễn học phí	12,560,000	9,250,000	3,310,000	CẤP TIẾP
22	Nông Thị Kim	Anh	2307060016	4NB-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,905,000	5,915,000	5,990,000	CẤP TIẾP
23	Phương Thị Thu	Hường	2307010305	3A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,385,000	5,915,000	4,470,000	CẤP TIẾP
24	Trần Hoài Thanh	Huyền	2307040061	5T-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,665,000	5,915,000	6,750,000	CẤP TIẾP
25	Đặng Thanh	Huyền	2307070075	1H-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	6,585,000	5,915,000	670,000	CẤP TIẾP
26	Ma Nhật	Linh	2307170052	1H-23C	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,905,000	5,915,000	5,990,000	CẤP TIẾP
27	Bùi Khánh	Ly	2307100050	1B-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,425,000	5,915,000	7,510,000	CẤP TIẾP
28	Nguyễn Thị Phương	Linh	2307010140	11A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	20,265,000	5,915,000	14,350,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
29	Hoàng Thanh	Mai	2307040092	3T-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,705,000	5,915,000	9,790,000	CẤP TIẾP
30	Vàng Ka	My	2307010304	3A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	8,865,000	5,915,000	2,950,000	CẤP TIẾP
31	Ma Thị Hoàng	Nam	2307010307	2A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	19,505,000	5,915,000	13,590,000	CẤP TIẾP
32	Hoàng Ngọc	Nương	2307010205	3A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,705,000	5,915,000	9,790,000	CẤP TIẾP
33	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	2307040115	6T-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	18,745,000	5,915,000	12,830,000	CẤP TIẾP
34	Hoàng Thị Kiều	Oanh	2307010206	5A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,945,000	5,915,000	9,030,000	CẤP TIẾP
35	Hoàng Thị Thanh	Thảo	2307170087	3H-23C	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,145,000	5,915,000	5,230,000	CẤP TIẾP
36	Vũ Mai	Thảo	2307140080	2T-23C	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	16,465,000	5,915,000	10,550,000	CẤP TIẾP
37	Phan Sỹ	Thành	2306090065	2D-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,545,000	5,915,000	5,630,000	CẤP TIẾP
38	Bùi Hồng	Thi	2307010302	6A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,385,000	5,915,000	4,470,000	CẤP TIẾP
39	Hà Thanh	Th	2307010242	7A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	19,505,000	5,915,000	13,590,000	CẤP TIẾP
40	Ma Thị Anh	Th	2307010248	3A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,425,000	5,915,000	7,510,000	CẤP TIẾP
41	Phùng Thị Huyền	Th	2307080094	3TB-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,905,000	5,915,000	5,990,000	CẤP TIẾP
42	Bàn Thị Ngọc	Ánh	2207040017	3T-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,425,000	5,915,000	7,510,000	CẤP TIẾP
43	Vương Hiếu	Vy	2307040179	1T-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,945,000	5,915,000	9,030,000	CẤP TIẾP
44	Vĩ Thùy	Trang	2304050071	3M-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,935,000	5,565,000	5,370,000	CẤP TIẾP
45	Đàm Nguyễn Uyên	Trần	2307030120	2P-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	18,745,000	5,915,000	12,830,000	CẤP TIẾP
46	Trần Thị Thảo	Vân	2307010281	1A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	16,465,000	5,915,000	10,550,000	CẤP TIẾP
47	Lù Hoa	Xuân	2307040206	2T-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	17,985,000	5,915,000	12,070,000	CẤP TIẾP
48	Nguyễn Lâm Thùy	Dương	2207040042	6T-23	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	16,295,000	4,225,000	12,070,000	CẤP TIẾP
49	Nguyễn Phương	Dung	2304040018	1TC-23	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	12,865,000	3,975,000	8,890,000	CẤP TIẾP
50	Nguyễn Nam	Phương	2301040151	5C-23	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	9,175,000	4,625,000	4,550,000	CẤP TIẾP
51	Lê Thị Thu	Phương	2306080097	4Q-23	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	12,015,000	4,225,000	7,790,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên tên		Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
52	Lê Minh	Hiệu	2307010089	2A-23	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	13,255,000	4,225,000	9,030,000	CẤP TIẾP
53	Nguyễn Thu	Hương	2307070029	1H-23	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	6,415,000	4,225,000	2,190,000	CẤP TIẾP
54	Bùi Trà	My	2307190040	1I-23C	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	9,455,000	4,225,000	5,230,000	CẤP TIẾP
III. Danh sách sinh viên khóa 2024 (Cấp tiếp)										
1	Đỗ Thùy	Ngân	2407030019	4P-24	Con của bệnh binh	Miễn học phí	13,680,000	8,450,000	5,230,000	CẤP TIẾP
2	Nguyễn Hà	Mi	2407070101	1H-24	Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ	Miễn học phí	15,200,000	8,450,000	6,750,000	CẤP TIẾP
3	Hoàng Diệu	Hoa	2407010063	7A-24	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	14,440,000	8,450,000	5,990,000	CẤP TIẾP
4	Nguyễn Thị Minh	Được	2407020024	3N-24	Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ	Miễn học phí	16,720,000	8,450,000	8,270,000	CẤP TIẾP
5	Phan Thu	Hà	2407080058	1TB-24	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn	Miễn học phí	20,520,000	8,450,000	12,070,000	CẤP TIẾP
6	Phạm Thúy	Hiền	2407030059	1P-24	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	11,400,000	8,450,000	2,950,000	CẤP TIẾP
7	Hoàng Thị Thảo	Hiền	2407040170	5T-24	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	15,200,000	8,450,000	6,750,000	CẤP TIẾP
8	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	2407070184	5H-24	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	14,440,000	8,450,000	5,990,000	CẤP TIẾP
9	Ngô Đức	Mạnh	2407070006	6H-24	Con của thương binh	Miễn học phí	14,440,000	8,450,000	5,990,000	CẤP TIẾP
10	Lùng Trọng	Nghĩa	2407240108	3T-24TT	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	19,000,000	8,450,000	10,550,000	CẤP TIẾP
11	Nguyễn Quỳnh	Như	2406080020	1Q-24	Con của thương binh	Miễn học phí	17,600,000	8,450,000	9,150,000	CẤP TIẾP
12	Lò Phà	Siu	2407240101	2T-24TT	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn	Miễn học phí	16,720,000	8,450,000	8,270,000	CẤP TIẾP
13	Hoàng Thị Đan	Thùy	2407040043	5T-24	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	15,960,000	8,450,000	7,510,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
14	Vũ Bảo	Tiến	2407070178	5H-24	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	15,960,000	8,450,000	7,510,000	CẤP TIẾP
15	Bùi Cẩm	Tú	2407040163	4T-24	Con của thương binh	Miễn học phí	15,960,000	8,450,000	7,510,000	CẤP TIẾP
16	Đỗ Xuân	Phương	2401040109	4C-24	Con của bệnh binh	Miễn học phí	11,640,000	9,250,000	2,390,000	CẤP TIẾP
17	Nguyễn Thu	Hà	2407070163	2H-24	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	13,680,000	8,450,000	5,230,000	CẤP TIẾP
18	Hà Như	Ngọc	2407060182	6NB-24	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,160,000	8,450,000	3,710,000	CẤP TIẾP
19	Nguyễn Đình	Hiếu	2401040190	6C-24	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	8,560,000	8,560,000	-	CẤP TIẾP
20	Phạm Yến	Nhi	2407040184	1T-24	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	17,480,000	8,450,000	9,030,000	CẤP TIẾP
21	Lương Thị Hải	Hà	2407040015	3T-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,185,000	5,915,000	8,270,000	CẤP TIẾP
22	Ma Thanh	Hải	2407040215	6T-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,425,000	5,915,000	7,510,000	CẤP TIẾP
23	Hoàng Nông Diệu	Hiền	2406080038	1Q-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	5,915,000	5,915,000	-	CẤP TIẾP
24	Bé Diệu	Hoa	2407210012	2A-24TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,145,000	5,915,000	5,230,000	CẤP TIẾP
25	Hoàng Thị Kim	Hồng	2407070050	2H-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,905,000	5,915,000	5,990,000	CẤP TIẾP
26	Bàng Thị	Huệ	2407040067	3T-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,185,000	5,915,000	8,270,000	CẤP TIẾP
27	Hoàng Thị	Tâm	2407070115	3H-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,665,000	5,915,000	6,750,000	CẤP TIẾP
28	Ngân Hà	Vy	2107070078	2H-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,585,000	5,915,000	3,670,000	CẤP TIẾP
29	Nguyễn Hải	Anh	2407060176	6NB-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	8,865,000	5,915,000	2,950,000	CẤP TIẾP
30	Lý Y	Mái	2307010298	9A-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	17,225,000	5,915,000	11,310,000	CẤP TIẾP
31	Bùi Phương	Linh	2407040204	1T-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,665,000	5,915,000	6,750,000	CẤP TIẾP
32	Nguyễn Phương	Anh	2404050014	1M-24	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	13,145,000	3,975,000	9,170,000	CẤP TIẾP
33	Hoàng Thành	Công	2401040045	2C-24	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	2,255,000	2,255,000	-	CẤP TIẾP
34	Vương Đức	Dũng	2404060026	1CT-24	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	10,505,000	3,975,000	6,530,000	CẤP TIẾP
35	Lê Thị Hải	Hà	2407040027	3T-24	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	10,215,000	4,225,000	5,990,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
36	Cao Thu	Hải	2407210045	1A-24TT	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	12,495,000	4,225,000	8,270,000	CẤP TIẾP
37	Trần Thanh	Huyền	2407210006	1A-24TT	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	7,175,000	4,225,000	2,950,000	CẤP TIẾP
38	Lê Hải	Yến	2404040083	3TC-24	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	9,345,000	3,975,000	5,370,000	CẤP TIẾP
IV. Danh sách sinh viên khóa 2023, 2024, 2025 (Cấp mới)										
1	Trương Thị Thanh	Tâm	2201000055	1TT-23	Con của bệnh binh	Miễn học phí	3,040,000	3,040,000	-	CẤP MỚI
2	Lê Thị Thảo	Chi	2407050006	2Đ-24	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	12,920,000	8,450,000	4,470,000	CẤP MỚI
3	Nguyễn Hương	Giang	2407010205	10A-24	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,160,000	8,450,000	3,710,000	CẤP MỚI
4	Hoàng Nguyệt	Ánh	2507080020	3TB-25	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	18,000,000	8,450,000	9,550,000	CẤP MỚI
5	Bùi Tuấn	Đức	2506080034	4Q-25	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	18,000,000	8,450,000	9,550,000	CẤP MỚI
6	Phạm Thị Hương	Giang	2507020040	1N-25	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	18,000,000	8,450,000	9,550,000	CẤP MỚI
7	Nguyễn Ngọc	Linh	2507010146	4A-25	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	18,000,000	8,450,000	9,550,000	CẤP MỚI
8	Lâm Hiếu	Lợi	2507070061	1H-25	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	18,000,000	8,450,000	9,550,000	CẤP MỚI
9	Đỗ Thị Khánh	Ly	2506080080	4Q-25	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ	Miễn học phí	18,000,000	8,450,000	9,550,000	CẤP MỚI
10	Nguyễn Yến	Nhi	2507100047	2B-25	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	18,000,000	8,450,000	9,550,000	CẤP MỚI
11	Lò Sính	Sin	2507040182	5T-25	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn	Miễn học phí	18,000,000	8,450,000	9,550,000	CẤP MỚI
12	Phan Nguyễn Anh	Thư	2507270084	1H-25TT	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	20,000,000	8,450,000	11,550,000	CẤP MỚI
13	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	2507290038	1I-25TT	Con của bệnh binh	Miễn học phí	20,000,000	8,450,000	11,550,000	CẤP MỚI

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
14	Lương Thanh	Đạt	2407040018	6T-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,185,000	5,915,000	8,270,000	CẤP MỚI
15	Lô Thị Kim	Ngân	2407010204	8A-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,905,000	5,915,000	5,990,000	CẤP MỚI
16	Lưu Thị Nhật	Linh	2407210063	1A-24TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,425,000	5,915,000	7,510,000	CẤP MỚI
17	Hoàng Thị Thu	Huyền	2407040013	1T-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,705,000	5,915,000	9,790,000	CẤP MỚI
18	Đỗ Mai Quỳnh	Anh	2506080006	3Q-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,465,000	5,915,000	9,550,000	CẤP MỚI
19	Hà Thị Thu	Chà	2507040026	2T-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,465,000	5,915,000	9,550,000	CẤP MỚI
20	Chu Hà Khánh	Chi	2507240018	1T-25TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	17,465,000	5,915,000	11,550,000	CẤP MỚI
21	Hà Linh	Đan	2507030030	4P-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,465,000	5,915,000	9,550,000	CẤP MỚI
22	Lê Hải	Hà	2507210026	1A-25TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	17,465,000	5,915,000	11,550,000	CẤP MỚI
23	Đinh Thị Ngọc	Hà	2507040054	1T-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,465,000	5,915,000	9,550,000	CẤP MỚI
24	Triệu Hải	Huệ	2506080047	2Q-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,465,000	5,915,000	9,550,000	CẤP MỚI
25	Trương Hà Khánh	Nhung	2507080080	3TB-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,465,000	5,915,000	9,550,000	CẤP MỚI
26	Lâm Bảo	Phúc	2507010227	7A-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,465,000	5,915,000	9,550,000	CẤP MỚI
27	Nguyễn Hoàng	Thu	2507060165	4NB-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,465,000	5,915,000	9,550,000	CẤP MỚI
28	Hoàng Hà	Trang	2507290041	1I-25TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	17,465,000	5,915,000	11,550,000	CẤP MỚI
29	Lã Ngọc Thúy	An	2507040002	2T-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLD hoặc BNN	Giảm 50% học phí	13,775,000	4,225,000	9,550,000	CẤP MỚI
30	Nguyễn Phương	Anh	2506080014	3Q-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLD hoặc BNN	Giảm 50% học phí	13,775,000	4,225,000	9,550,000	CẤP MỚI
31	Tổng Khánh	Dũng	2506060013	2NC-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLD hoặc BNN	Giảm 50% học phí	13,775,000	4,225,000	9,550,000	CẤP MỚI
32	Nguyễn Ngọc	Hân	2504010024	2KT-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLD hoặc BNN	Giảm 50% học phí	14,025,000	3,975,000	10,050,000	CẤP MỚI
33	Chu Ngọc	Mai	2504040054	3TC-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLD hoặc BNN	Giảm 50% học phí	14,025,000	3,975,000	10,050,000	CẤP MỚI
34	Nguyễn Xuân	Nga	2507010191	1A-15	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLD hoặc BNN	Giảm 50% học phí	13,775,000	4,225,000	9,550,000	CẤP MỚI
35	Trần Thiện	Nhân	2501240083	1C-25TT	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLD hoặc BNN	Giảm 50% học phí	15,375,000	4,625,000	10,750,000	CẤP MỚI

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
36	Vũ Minh	Trí	2507240099	2T-25TT	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	15,775,000	4,225,000	11,550,000	CẤP MỚI
37	Bùi Phương	Tuệ	2507040226	4T-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	8,255,000	4,225,000	4,030,000	CẤP MỚI
TỔNG:							2,383,850,000	1,137,990,000	1,245,860,000	

Tổng số tiền miễn, giảm học phí: **2,383,850,000** đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm tám mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sinh viên: **1,137,990,000** đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền Nhà trường hỗ trợ chi sinh viên: **1,245,860,000** đồng (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Danh sách gồm: 175 sinh viên được miễn, giảm học phí

Trong đó:

Miễn học phí: 77 sinh viên

Giảm 70% học phí: 68 sinh viên

Giảm 50% học phí: 30 sinh viên

PHÒNG CTSV VÀ QHDN



Hoàng Thị Minh Vân

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN



Trần Thị Thu Huệ

28/11/2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Trào